

CẨM NANG DOANH NGHIỆP

EVFTA

và Ngành Logistics Việt Nam





CẨM NANG DOANH NGHIỆP

EVFTA

và Ngành Logistics Việt Nam







Lời mở đầu

Ngày 30/6/2019, Hiệp định Thương mại Tự do (EVFTA) và Bảo hộ Đầu tư (EVIPA) giữa Việt Nam và EU đã được ký kết. Dự kiến, hai Hiệp định này sẽ sớm được phê chuẩn theo thủ tục nội bộ tại EU và Việt Nam để có hiệu lực chính thức. Là Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới, tiêu chuẩn cao và có quy mô lớn nhất mà Việt Nam từng đàm phán ký kết cho tới thời điểm hiện tại, EVFTA-EVIPA được kỳ vọng sẽ tạo ra những cơ hội phát triển đặc biệt có ý nghĩa cho nhiều ngành và cả nền kinh tế Việt Nam.

Logistics là ngành dịch vụ mà Việt Nam có nhiều tiềm năng phát triển nhưng hiện trạng năng lực cạnh tranh trong nước còn tương đối hạn chế. Ngành này lâu nay vẫn được “bảo hộ” khá chặt chẽ thông qua các điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo cam kết mở cửa rất dè dặt trong WTO và các Hiệp định thương mại tự do (FTA) liên quan.

Trong hai Hiệp định EVFTA và EVIPA, các cam kết mở cửa thị trường logistics tập trung ở Hiệp định EVFTA, với mức mở cửa rộng hơn đáng kể ở một số phân ngành logistics của Việt Nam cho EU so với mức mở cửa trong WTO. Vì vậy, Hiệp định này được dự báo sẽ có tác động đáng kể đến tương lai của ngành logistics Việt Nam, theo cả hướng tích cực và tiêu cực.

Từ góc độ mở cửa thị trường, EVFTA mở ra các cơ hội kinh doanh và bảo hộ có ý nghĩa cho các nhà cung cấp dịch vụ và đầu tư EU trong lĩnh vực logistics vào thị trường đầy tiềm năng của Việt Nam. Từ góc độ ngược lại, hai Hiệp định này cũng đặt các doanh nghiệp logistics Việt Nam trước một tương lai cạnh tranh gay gắt và phức tạp hơn từ các đối thủ EU vốn rất mạnh trong lĩnh vực này. Đây là thách thức trực diện nhưng đồng thời cũng có thể là sức ép hợp lý để ngành và doanh nghiệp logistics Việt Nam cải cách, nâng cao năng lực cạnh tranh.

Từ góc độ hiệu quả, tăng cường cạnh tranh trên thị trường nhóm dịch vụ phục vụ sản xuất quan trọng như logistics lại hứa hẹn tạo cơ hội để các ngành sản xuất chế biến chế tạo của Việt Nam, đặc biệt là trong các khu vực sản xuất xuất khẩu, có thể tiếp cận các dịch vụ logistics với chất lượng tốt hơn, chi phí hợp lý hơn, từ đó có thể giảm giá thành sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh về giá cho các hàng hóa Việt Nam, nhất là hàng hóa xuất khẩu.



Cẩm nang doanh nghiệp "EVFTA và Ngành Logistics Việt Nam" này được Trung tâm WTO và Hội nhập thuộc Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) thực hiện nhằm giúp các doanh nghiệp và cơ quan Nhà nước liên quan có cái nhìn đầy đủ, chính xác và bao quát về (i) nội dung các cam kết EVFTA-EVIPA có liên quan tới dịch vụ logistics, (ii) các tác động khác nhau của các cam kết này tới ngành logistics, các ngành liên quan cũng như toàn bộ nền kinh tế, đồng thời đưa ra các khuyến nghị cốt lõi cho các chủ thể này nhằm tận dụng hiệu quả các cơ hội và vượt qua các thách thức, nếu có, từ các cam kết này.

Trung tâm WTO và Hội nhập - VCCI trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ về chuyên môn của các chuyên gia Vụ Chính sách Thương mại Đa biên - Bộ Công Thương và sự hỗ trợ về tài chính và kỹ thuật của Viện Friedrich Naumann Foundation for Freedom (CHLB Đức) cho việc nghiên cứu, biên soạn và phổ biến Cẩm nang này.

Trung tâm WTO và Hội nhập
Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

Mục lục

PHẦN THỨ NHẤT

Cam kết của Việt Nam trong EVFTA liên quan tới các dịch vụ logistics — 10

- 1 Dịch vụ logistics là gì? — 12
- 2 Việt Nam có cam kết về các dịch vụ logistics nào trong EVFTA? — 15
- 3 Các cam kết về dịch vụ logistics nêu ở đầu trong EVFTA? — 18

Mục 1 – Các cam kết chung về dịch vụ logistics — 21

- 4 Việt Nam có cam kết gì về nghĩa vụ ứng xử chung với nhà đầu tư, cung cấp dịch vụ EU? — 22
- 5 Nhà cung cấp dịch vụ EU có thể chuyển nhân sự của mình sang làm việc tại các hiện diện thương mại của mình ở Việt Nam không? — 24
- 6 Cá nhân đại diện cho nhà cung cấp dịch vụ EU có thể nhập cảnh vào Việt Nam chào bán hoặc cung cấp dịch vụ logistics theo hợp đồng không? — 25
- 7 Nhà đầu tư EU có thể thành lập hợp tác xã, doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh cung cấp dịch vụ logistics ở Việt Nam không? — 26
- 8 Việt Nam có cho phép nhà cung cấp dịch vụ logistics EU thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh ở Việt Nam không? — 27
- 9 Việt Nam có thể áp dụng các biện pháp đối xử khác biệt đối với hoạt động của các hiện diện thương mại dịch vụ logistics của EU tại Việt Nam không? — 29

Mục 2 - Cam kết mở cửa thị trường dịch vụ vận tải biển — 31

- 10 Việt Nam có cam kết gì về các dịch vụ vận tải biển nội địa? — 32
- 11 Nhà cung cấp dịch vụ vận tải biển EU có thể cung cấp dịch vụ qua biên giới cho khách hàng tại Việt Nam không? — 34
- 12 Hãng tàu EU có thể thành lập doanh nghiệp vận tải có đội tàu biển treo cờ Việt Nam không? — 35
- 13 Nhà cung cấp dịch vụ EU có thể thành lập liên doanh hay doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài ở Việt Nam để cung cấp dịch vụ vận tải biển không? — 36
- 14 Việt Nam có cam kết gì về dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa tàu thủy? — 38
- 15 Việt Nam có cam kết gì về các dịch vụ hỗ trợ vận tải biển? — 39



Mục 3 - Cam kết mở cửa thị trường dịch vụ vận tải hàng không, vận tải đường sắt, vận tải đường bộ _____ **41**

- 16 Việt Nam có cam kết gì về các dịch vụ hàng không? _____ 42
- 17 Việt Nam có cam kết gì về dịch vụ bán, giới thiệu các sản phẩm hàng không, đặt, giữ chỗ cho EU? _____ 43
- 18 Việt Nam có cam kết gì về dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa máy bay? ____ 44
- 19 Việt Nam có cam kết gì về dịch vụ mặt đất (trong vận tải hàng không)? ____ 45
- 20 Việt Nam có cam kết gì về dịch vụ cung cấp suất ăn trong chuyến bay? ____ 47
- 21 Việt Nam có cam kết gì về dịch vụ đường sắt? _____ 48
- 22 Việt Nam có cam kết gì về dịch vụ vận tải đường bộ? _____ 49

Mục 4 – Cam kết mở cửa thị trường các dịch vụ hỗ trợ mọi phương thức vận tải ____ **51**

- 23 Việt Nam có cam kết gì về các dịch vụ hỗ trợ mọi phương thức vận tải? ____ 52
- 24 Việt Nam có cho phép các dịch vụ hỗ trợ mọi phương thức vận tải cung cấp qua biên giới hay tiêu dùng ở nước ngoài không? _____ 54
- 25 Việt Nam có cho phép nhà đầu tư EU lập hiện diện thương mại ở Việt Nam để cung cấp các dịch vụ hỗ trợ mọi phương thức vận tải không? ____ 55

PHẦN THỨ HAI **Hiện trạng ngành logistics Việt Nam** _____ **58**

- 26 Hiện trạng các doanh nghiệp logistics Việt Nam? _____ 60
- 27 Năng lực cạnh tranh quốc tế của ngành vận tải Việt Nam? _____ 62
- 28 Pháp luật chính sách trong nước đối với dịch vụ logistics? _____ 63
- 29 Tình hình xuất nhập khẩu và đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực logistics của Việt Nam? _____ 65
- 30 Triển vọng thị trường dịch vụ logistics Việt Nam? _____ 66

PHẦN THỨ BA **Cơ hội, thách thức và khuyến nghị đối với ngành logistics trong bối cảnh EVFTA** _____ **68**

- 31 Các cơ hội từ EVFTA cho ngành logistics Việt Nam? _____ 70
- 32 Các thách thức từ EVFTA đối với ngành logistics Việt Nam? _____ 71
- 33 Doanh nghiệp logistics Việt Nam cần chú ý gì trước EVFTA? _____ 72
- 34 Nhà nước có thể làm gì để cải thiện môi trường và điều kiện đầu tư kinh doanh của ngành logistics Việt Nam? _____ 73



PHỤ LỤC	
Tóm tắt các cam kết liên quan tới dịch vụ logistics trong EVFTA của Việt Nam	74
Phụ lục 1 – Tóm tắt các cam kết của Việt Nam trong EVFTA về nghĩa vụ ứng xử chung với nhà đầu tư, cung cấp dịch vụ EU	76
Phụ lục 2 - Tóm tắt các cam kết của Việt Nam về mở cửa thị trường dịch vụ logistics	79